

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

TÀI SẢN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		576.344.777.787	564.188.723.918
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	85.786.301.764	82.560.922.564
1.	Tiền	111		70.286.301.764	78.060.922.564
2.	Các khoản tương đương tiền	112		15.500.000.000	4.500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	7.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		407.071.166.140	395.469.656.202
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	379.604.654.623	364.867.282.770
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.560.305.659	7.581.755.100
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	29.308.793.434	26.229.896.976
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.530.106.340)	(3.209.278.644)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		127.518.764	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7	64.860.896.305	66.968.162.413
1.	Hàng tồn kho	141		64.860.896.305	66.968.162.413
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.626.413.578	12.189.982.739
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.542.294.187	5.362.944.880
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.953.888.371	6.827.037.859
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		8.130.231.020	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.297.706.877.956	1.455.816.170.300
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		29.131.875.512	41.378.438.688
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		23.853.950	43.853.950
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	29.108.021.562	41.334.584.738
II.	Tài sản cố định	220		1.006.911.513.101	1.196.222.591.341
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.004.870.399.888	1.193.550.402.169
	<i>Nguyên giá</i>	222		<i>2.419.383.753.313</i>	<i>2.414.309.030.405</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.414.513.353.425)</i>	<i>(1.220.758.628.236)</i>
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.609.620.188	2.125.220.348
	<i>Nguyên giá</i>	225		<i>2.741.157.634</i>	<i>2.741.157.634</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(1.131.537.446)</i>	<i>(615.937.286)</i>
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	431.493.025	546.968.824
	<i>Nguyên giá</i>	228		<i>1.097.685.000</i>	<i>1.062.585.000</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(666.191.975)</i>	<i>(515.616.176)</i>
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		50.228.840.252	6.698.148.143
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	50.228.840.252	6.698.148.143
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		167.668.121.607	160.258.458.078
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	168.668.121.607	160.258.458.078
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		43.766.527.484	51.258.534.050
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	43.258.168.739	46.768.748.157
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		(39.441.255)	4.489.785.893
4.	Tài sản dài hạn khác	268		547.800.000	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.874.051.655.743	2.020.004.894.218

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.008.175.230.642	1.241.132.195.651
I.	Nợ ngắn hạn	310		493.765.396.606	567.151.347.826
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	94.274.335.503	193.247.956.287
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.428.746.225	10.808.805.191
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	28.475.856.606	19.847.638.000
4.	Phải trả người lao động	314		9.468.151.185	10.007.368.712
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	112.508.968.067	46.466.039.215
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	79.246.020	2.972.576.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	28.380.514.777	36.582.687.060
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	208.947.492.846	239.006.747.610
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	9.202.085.377	8.211.529.751
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		514.409.834.036	673.980.847.825
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	-	100.000.000.000
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	3.606.000.000	3.606.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	23.700.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	508.951.645.903	569.064.398.213
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.852.188.133	1.286.749.612
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kết toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		865.876.425.102	778.872.698.567
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	865.876.425.102	778.872.698.567
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	209.022.341.268	172.424.805.950
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	27.615.174.613	27.643.218.416
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	202.295.967.429	164.864.029.291
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.22	59.578.766.275	45.549.068.525
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	V.22	142.717.201.154	119.314.960.766
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	161.942.941.792	148.940.644.910
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.874.051.655.743	2.020.004.894.218

Người lập biểu


 Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng


 Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2021


GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 04 năm 2020	Quý 04 năm 2019	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 04/2020	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 04/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	297.428.266.585	300.719.830.968	1.225.841.111.708	1.202.879.323.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		239.665.201	186.447.799	1.039.233.221	745.791.194
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		297.188.601.384	300.533.383.170	1.224.801.878.487	1.202.133.532.679
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	226.705.117.047	226.639.562.380	897.924.380.836	906.558.249.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		70.483.484.337	73.893.820.790	326.877.497.652	295.575.283.158
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.097.028.973	438.526.968	2.400.432.774	1.754.107.873
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.042.950.696	19.958.176.947	72.233.921.510	79.832.707.788
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.582.681.149	19.795.876.163	69.633.430.535	79.183.504.650
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.554.330.402	308.953.832	10.217.321.607	1.235.815.326
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.896.309.552	2.103.447.102	12.696.545.407	8.413.788.407
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.730.595.642	17.199.838.783	71.838.988.058	68.799.355.133
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24 - (25+26)}	30		43.464.987.822	35.379.838.757	182.725.797.057	141.519.355.029
12. Thu nhập khác	31	VI.7	8.585.039.068	688.989.736	13.949.469.741	2.755.958.944
13. Chi phí khác	32		345.691.654	141.382.333	2.212.419.273	565.529.332
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.239.347.414	547.607.403	11.737.050.468	2.190.429.612
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		51.704.335.236	35.927.446.160	194.462.847.525	143.709.784.641
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.456.305.642	3.481.219.929	26.120.016.992	13.924.879.714
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(173.673.836)	1.891.629.387	(694.695.344)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		46.248.029.594	32.619.900.068	166.451.201.146	130.479.600.271
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		40.269.121.911	29.828.740.192	142.535.570.414	119.314.960.766
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		5.978.907.683	2.791.159.876	23.915.630.732	11.164.639.505

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2021
Giám đốc


Trần Quốc Bảo



Vũ Quang Tiến



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết từ ngày 01 tháng 10 đến 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 04 năm 2020	Quý 04 năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		194.462.847.525	143.709.784.641
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		322.858.490.042	257.060.586.397
- Các khoản dự phòng	03		12.320.827.696	3.209.278.644
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	73.616.210
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		31.639.987	(1.630.118.946)
- Chi phí lãi vay	06		69.633.430.535	79.183.504.650
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		599.307.235.785	481.606.651.596
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90.069.640.770)	105.834.689.234
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.107.266.108	(44.757.443.442)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(54.340.952.082)	(104.821.178.558)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.331.230.111	(31.164.181.047)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(81.094.149.498)	(75.126.367.252)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.292.219.330)	(15.814.416.847)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.166.554.968)	(13.277.805.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		352.782.215.356	302.479.948.570

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 04 năm 2020	Quý 04 năm 2019
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.200.222.908)	(133.332.458.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.238.213.278
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(45.347.853.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	38.304.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(90.000.000.000)	(56.450.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	329.323.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(95.200.222.908)	(195.259.575.275)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		374.529.587.282	404.792.900.503
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(554.897.301.430)	(500.869.498.528)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.197.537.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(73.988.899.100)	(42.225.332.895)
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(254.356.613.248)	(139.499.468.720)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.225.379.200	(32.279.095.425)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.560.922.564	114.884.822.728
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(44.804.739)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		85.786.301.764	82.560.922.564

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Trần Quốc Bảo


Vũ Quang Tiến



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con (03 Công ty con trực tiếp, 01 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%	51%
Công ty cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%	54%
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	162/24 Đường 42, Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	40%	0%	40%	0%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 499 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 475 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	632.994.005	1.064.534.228
Tiền gửi ngân hàng	69.653.307.759	76.996.388.336
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	15.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	<u>85.786.301.764</u>	<u>82.560.922.564</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng với mức lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,8%/năm.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today ⁽ⁱ⁾	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	156.450.800.000	156.450.800.000
Cộng	<u>158.450.800.000</u>	<u>158.450.800.000</u>
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	<u>10.217.321.607</u>	<u>1.807.658.078</u>
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today ⁽ⁱ⁾	-	571.842.752
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	10.217.321.607	1.235.815.326
Cộng	<u>168.668.121.607</u>	<u>160.258.458.078</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>107.322.676.553</i>	<i>94.483.999.149</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	82.804.773.327	62.583.999.149
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Tân Cảng	8.017.903.226	13.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.500.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	-	5.600.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>272.281.978.070</i>	<i>270.383.283.621</i>
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	42.421.987.829	97.689.049.515
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	-	6.418.557.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu.	-	18.668.588.166
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí PTSC Marine	22.194.284.921	40.330.947.782
JUNGWON MARITIME PTE LTD	25.961.008.449	
Công Ty CP Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành Và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển PTSC.	78.213.079.278	
TECHNIP GEOPRODUCTION (M) SDN. BHD	11.556.578.417	
Các khách hàng khác	91.935.039.177	107.276.140.870
Cộng	<u>379.604.654.623</u>	<u>364.867.282.770</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>12.560.305.659</i>	<i>7.581.755.100</i>
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	-	2.603.481.100
Tổng Công Ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	4.577.919.280	-
Tritek Power & Automation FZC OR	-	-
Các nhà cung cấp khác	7.982.386.379	4.978.274.000
Cộng	<u>12.560.305.659</u>	<u>7.581.755.100</u>

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Các khoản ký quỹ	868.717.300	-	1.706.245.300	-
Tạm ứng	7.261.513.720	-	3.126.978.877	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.178.562.413	-	21.396.672.799	-
Cộng	<u>29.308.793.433</u>	<u>-</u>	<u>26.229.896.976</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	29.108.021.562	-	41.334.584.738	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	27.499.217.102	-	27.499.217.102	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	1.608.804.460	-	13.835.367.636	-
Cộng	29.108.021.562	-	41.334.584.738	-

(i) Là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 182.240.576.584 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 91.120.288.292 VND. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

6. Nợ xấu

Là khoản phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm, Công ty mẹ đã trích lập dự phòng 50%

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.209.278.644	-
Trích lập dự phòng bổ sung	11.320.827.696	3.209.278.644
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	14.530.106.340	3.209.278.644

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	197.608.267	1.376.747.735
Công cụ dụng cụ	33.771.649	500.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.171.151.676	62.170.240.985
Thành phẩm	2.384.698	2.177.147
Hàng hóa	1.455.980.015	3.418.496.546
Cộng	64.860.896.305	66.968.162.413

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	668.920.235	2.269.410.932
Chi phí sửa chữa tài sản	3.545.435.538	1.444.018.557
Chi phí công cụ dụng cụ	1.243.213.151	807.652.785
Chi phí khác	1.084.725.263	841.862.606
Cộng	<u>6.542.294.187</u>	<u>5.362.944.880</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu		-
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	5.411.594.837
Chi phí bảo hiểm	7.977.488.824	2.034.251.667
Chi phí sửa chữa tàu	20.165.934.207	27.366.157.549
Chi phí Duy tu cảng, đường bãi container	12.682.322.286	11.037.941.753
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.432.423.422	918.802.351
Cộng	<u>43.258.168.739</u>	<u>46.768.748.157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	441.882.811.600	1.135.491.133.731	824.714.471.523	10.970.629.660	1.249.983.891	2.414.309.030.405
Mua trong năm	1.079.570.199	-	3.896.552.709	189.000.000	-	5.165.122.908
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	(90.400.000)	(90.400.000)
Số cuối năm	442.962.381.799	1.135.491.133.731	828.611.024.232	11.159.629.660	1.159.583.891	2.419.383.753.313
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	347.173.404.508	601.979.988.417	260.235.989.290	10.562.102.409	807.143.612	1.220.758.628.236
Khấu hao trong năm	39.686.959.972	188.862.312.933	93.325.528.296	86.340.984	231.171.898	322.192.314.083
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	(58.760.013)	(58.760.013)
Số cuối năm	384.193.959.299	734.308.923.892	284.437.026.242	10.593.888.495	979.555.497	1.414.513.353.425
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	94.709.407.092	533.511.145.314	564.478.482.233	408.527.251	442.840.279	1.193.550.402.169
Số cuối năm	58.768.422.500	401.182.209.839	544.173.997.990	565.741.165	180.028.394	1.004.870.399.888

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.741.157.634	(615.937.286)	2.125.220.348
Khấu hao trong năm		(515.600.160)	(515.600.160)
Số cuối năm	2.741.157.634	1.131.537.446	1.609.620.188

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	1.062.585.000	(515.616.176)	546.968.824
Mua trong năm	35.100.000	-	35.100.000
Khấu hao trong năm	-	(150.575.799)	(150.575.799)
Số cuối năm	1.097.685.000	(666.191.975)	431.493.025

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	43.530.692.109	-	-	43.530.692.109
Xây dựng cơ bản dở dang	6.698.148.143	-	-	-	6.698.148.143
<i>Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang</i>	<i>542.740.734</i>	-	-	-	<i>542.740.734</i>
<i>Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng</i>	<i>3.013.636.364</i>	-	-	-	<i>3.013.636.364</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>3.141.771.045</i>	-	-	-	<i>3.141.771.045</i>
Cộng	6.698.148.143	43.530.692.109	-	-	50.228.840.252

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.252.140.640	20.304.451.699
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	391.140.640	10.090.819.979
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	3.861.000.000	5.661.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	90.022.194.863	172.943.504.588
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	-	9.980.930.001
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	6.347.766.875	22.101.491.520
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	3.980.581.086	3.980.581.086
Rosemary Overseas Ltd	-	-
Các nhà cung cấp khác	79.693.846.902	136.880.501.981
Cộng	94.274.335.503	193.247.956.287

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả Ông Đinh Văn Học tiền mua cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/CNCP-TCO ngày 15 tháng 4 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số PL01/2019/CNCP-TCO ngày 30 tháng 12 năm 2019. Công ty mua 5.046.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (tên cũ là Công ty Cổ phần Tân Cảng IDC Quế Võ) với giá chuyển nhượng 31.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng: 156.450.800.000 VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	90.725.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	90.725.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	2.428.746.225	10.718.080.191
Aussie offshore services Limited	-	7.658.475.000
Total management services Pte. Ltd.,	2.315.500.000	2.314.396.000
Các khách hàng khác	113.246.225	745.209.191
Cộng	<u>2.428.746.225</u>	<u>10.808.805.191</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.190.572.613	64.726.824.024	(69.261.153.249)	2.656.243.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.475.377.075	22.666.307.261	(9.346.965.924)	24.794.718.412
Thuế thu nhập cá nhân	859.682.233	9.440.231.511	(9.773.132.518)	526.781.226
Các loại thuế khác	322.006.079	1.579.615.172	(1.403.507.671)	498.113.580
Cộng	<u>19.847.638.000</u>	<u>98.412.977.968</u>	<u>(89.784.759.362)</u>	<u>28.475.856.606</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế	0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ	5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí nhiên liệu phải trả	15.861.399.552	270.127.273
Chi phí thuê tàu phải trả	33.564.475.813	8.209.251.740
Chi phí lãi vay	20.735.764.927	28.306.287.382
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	42.347.327.775	9.680.372.820
Cộng	<u>112.508.968.067</u>	<u>46.466.039.215</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Doanh thu cho thuê tài sản	-	2.704.500.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	79.246.020	268.076.000
Cộng	<u>79.246.020</u>	<u>2.972.576.000</u>

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về thuê tài sản.

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	74.617.412
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	175.667.888	5.441.789
Cổ tức phải trả	21.503.160.000	30.490.985.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.701.686.889	6.086.260.271
Cộng	<u>28.380.514.777</u>	<u>36.582.687.060</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	23.700.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	23.700.000
Cộng	-	23.700.000

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	138.511.795.754	127.433.721.142
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	30.631.735.400	40.360.713.566
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	47.600.911.825	54.939.328.362
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.279.148.529	32.133.679.214
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	-	200.000.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	-	64.092.100
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	70.050.400.000	110.787.071.624
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	385.297.092	521.862.744
Cộng	208.947.492.846	239.006.747.610

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0088/1938/N-CTD ngày 24/8/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 24/8/2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng trị giá 3.500.000.000 VND; thế chấp tài sản là 02 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tiền vay 80.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 31/10/2020. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền khai thác tài sản là Công trình dự án Cảng Container hình thành trên khu đất cảng xăng dầu Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; Các TAN CANG 63, TAN CANG 66 và TC Royal; Khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 337-13/TCT-KHKD ngày 30/6/2013 và các PLHĐ/ BB thỏa thuận có liên quan.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12827294/HĐTD ngày 18/12/2019 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 18/12/2020. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 01 cầu bờ Container hiệu Kocks.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	272.237.536.440	364.074.099.159
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	77.073.536.437	79.430.099.157
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ^(iv)	-	15.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ^(v)	195.164.000.003	269.244.000.001
<i>Vay dài hạn các tổ chức khác</i>	23.800.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam ^(vi)	23.800.000.000	10.000.000.000
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác ^(vii)</i>	212.327.957.500	194.018.850.000
<i>Nợ thuê tài chính ^(viii)</i>	586.151.963	971.449.055
Cộng	508.951.645.903	569.064.398.213

(i) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng số 21372.17.151.1131175.TD ngày 28 tháng 11 năm 2017 và số 6898.19.151.1131175.TD ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất từ 8,2% đến 9,7% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng số 23402.15.151.2322196.TD ngày 22 tháng 9 năm 2015, số 137.15.151.2322196.TD ngày 21 tháng 7 năm 2015, số 15170.16.151.2322196.TD ngày 05 tháng 9 năm 2016 và số 30047.16.151.2322196.TD ngày 27 tháng 12 năm 2016. Mục đích vay để đầu tư cầu khung bánh lốp Kalmar 6+1, cầu bờ Container dạng khung chạy trên ray Feeder Server hiệu Kocks, mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền và góp vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng. Lãi suất từ 8,4% đến 8,6% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng và khai thác kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần, quyền khai thác cơ sở hạ tầng và các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 324/TCT-KHKD ngày 15/01/2016 giữa Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và quyền đòi nợ từ Hợp đồng số 318-2016/PTSC-TM/HĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (bên thuê) với liên danh nhà thầu giữa Công ty và Công ty TNHH Kỹ thuật Anh Việt.

Tại Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng số 26172.19.151.3727485 ngày 22/ tháng 7 năm 2019 số tiền 198.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán chi phí mua xe Carry Truck. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản Công ty mẹ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ theo Hợp đồng tín dụng ngày 26 tháng 2 năm 2015, mục đích mua sắm đầu tư cầu. Tiềm ích tín dụng trị giá 7.600.000 USD, ngày đáo hạn cuối cùng là ngày 31 tháng 3 năm 2020. Lãi suất từ 6,24% đến 9,05% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hai căn cầu giàn chuyên dụng xếp dỡ container, tài sản hình thành từ vốn vay, và tiền bảo hiểm đối với căn cầu và động sản nêu ở trên.
- (iv) **Khoản Công ty mẹ vay Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga** theo hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTDH.DN ngày 29 tháng 12 năm 2016, mục đích đầu tư sà lan TÂN CẢNG 89, hạn mức vay là 77.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất từ 8,7% đến 9,2% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa** theo các hợp đồng sau:
Tại Công ty mẹ:
Khoản vay theo hợp đồng số 0606/2018-HĐCVTL/NHCT126-TCO ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất từ 7,7% đến 9,5% cụ thể theo từng giấy nhận nợ.

Tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc
• Hợp đồng tín dụng số 1501/2019- HĐCV DADT/NHCT126-TANCANGMB ngày 16 tháng 01 năm 2019 để thanh toán các chi phí mua tàu Tân Cảng 86, hạn mức cho vay 65.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được quy định theo từng Giấy nhận nợ áp dụng mức lãi suất 7,7%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với điều kiện ngày giải ngân đầu tiên không muộn hơn 31/1/2019, từ năm thứ 02 về sau lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân trả lãi sau niên yết tại bên cho vay + biên độ 3,0%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2016/HTKD/SNP-TCOTS ngày 07 tháng 12 năm 2016 để thực hiện đầu tư dự án “Hàng không chung”. Thời hạn hợp tác phụ thuộc vào thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam được hưởng lợi tức cố định là 9%/năm trên tổng vốn góp hợp tác kinh doanh (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án).
- (vii) Khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất 25%/năm.
- (viii) Nợ thuê tài chính công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:
Tại Công ty mẹ:
Hợp đồng số 85.18.02/CTTC ngày 20 tháng 3 năm 2018 và số 85.18.07/CTTC ngày 22 tháng 10 năm 2018. Tài sản thuê là 01 xe Ford Ranger, 01 xe Ford Transit với số tiền cho thuê là 1.127.272.727 VND, thời hạn thuê 36 tháng và 01 xe ô tô HUYNDAI SOLATI H35 với số tiền cho thuê là 761.390.374 VND, thời hạn thuê 48 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 85.19.01/CTTC ngày 20 tháng 2 năm 2019, tài sản thuê là 2 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL, thời hạn thuê 72 tháng với lãi suất thuê như sau: Trong 6 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất thuê cố định 9,4%/năm, trong thời gian còn lại áp dụng lãi suất thuê tài chính cơ bản bằng VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,2%/năm. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.824.487.488	1.744.018.349
Quỹ phúc lợi	3.201.889.778	3.688.612.252
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.175.708.111	2.778.899.150
Cộng	9.202.085.377	8.211.529.751

21. Thuế thu nhập hoãn lại

21a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính.

21b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời chịu thuế do hợp nhất báo cáo tài chính.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Số đầu năm trước	128.734.139.264	176.544.388.629	20.749.609.757	146.138.170.881	737.166.308.531		
Lợi nhuận trong năm trước	-	119.314.960.766	-	11.164.639.505	130.479.600.271		
Chia cổ tức năm trước	-	(60.950.000.000)	-	(7.350.000.000)	(68.300.000.000)		
Trích lập các quỹ	43.690.666.686	(69.915.663.816)	6.893.608.659	(881.821.764)	(20.213.210.235)		
Tặng/(giảm khác)	-	(129.656.288)	-	(130.343.712)	(260.000.000)		
Số dư cuối năm trước	172.424.805.950	164.864.029.291	27.643.218.416	148.940.644.910	778.872.698.567		
Số dư đầu năm nay	172.424.805.950	164.864.029.291	27.643.218.416	148.940.644.910	778.872.698.567		
Lợi nhuận trong năm nay	-	124.034.659.464	-	23.915.630.732	147.950.290.196		
Chia cổ tức năm nay	-	(60.950.000.000)	-	(7.531.630.740)	(68.481.630.740)		
Tặng/(giảm khác)	-	-	(28.043.803)	-	(28.043.803)		
Trích lập các quỹ năm nay	36.597.535.318	(25.652.721.326)	-	(3.381.703.110)	7.563.110.882		
Số dư cuối năm nay	209.022.341.268	202.295.967.429	27.615.174.613	161.942.941.792	865.876.425.101		

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	265.000.000.000	265.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thuần

	<u>Quý 04/2020</u>	<u>Quý 04/2019</u>
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	297.188.601.384	300.533.383.170
Cộng	297.188.601.384	300.533.383.170

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 04/2020</u>	<u>Quý 04/2019</u>
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	226.705.117.047	226.639.562.380
Cộng	226.705.117.047	226.639.562.380

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 04/2020</u>	<u>Quý 04/2019</u>
Doanh thu hoạt động tài chính	17.097.028.973	438.526.968
Cộng	17.097.028.973	438.526.968

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 04/2020</u>	<u>Quý 04/2019</u>
Chi phí lãi vay	14.582.681.149	19.795.876.163
Chi phí tài chính khác	1.460.269.547	162.300.784
Cộng	16.042.950.696	19.958.176.947

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí hoa hồng bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 04/2020</u>	<u>Quý 04/2019</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.314.513.521	2.563.421.451
Chi phí đồ dùng văn phòng	423.411.341	231.341.125
Chi phí khấu hao TSCĐ	523.134.314	354.213.416
Thuế, phí và lệ phí	367.245.212	241.234.113
Dự phòng phải thu khó đòi	11.320.827.696	3.209.278.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.513.411.168	5.931.435.621
Chi phí bằng tiền khác	5.268.052.390	4.668.914.413
Cộng	<u>27.730.595.642</u>	<u>17.199.838.783</u>

7. Thu nhập khác

Là tiền bảo hiểm bồi thường

Tp. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Giám đốc



Lê Đăng Phúc